

Bản án số: **02/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 07/01/2025.

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M – TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà **Nguyễn Hải Hằng**

- *Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Nguyễn Văn Triều.**

2/ Ông **Trần Quốc Bảo.**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Cao Võ Th Sang** – là Thư ký Toà án thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Việt Thy** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 325/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024, về việc: *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 11, khóm 3, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long; Nơi tạm trú: ấp H 1, xã T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông **Phùng Tấn Th**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 11, khóm 3, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long;

(Bà L và ông Th xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 30/10/2024, bản tự khai ngày 28/11/2024 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị L trình bày:

Bà và ông Th quen biết nhau từ năm 2003 và kết hôn với nhau trước sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới (không có nữ trang cưới), có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cưới bà và ông Th về sinh sống bên nhà chồng tại tổ 11, khóm 3, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

Quá trình chung sống, vợ chồng bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên đã ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay. Tình cảm không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phùng Tấn Th.

Về con chung: Bà và ông Th có 03 người con chung là Phùng Nhật A1, sinh ngày 11/3/2003, Phùng Khang Hải A2, sinh ngày 30/8/2009 và Phùng Tấn L, sinh ngày 10/01/2019. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền nuôi cháu Phùng Tấn L, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Bà đồng ý để ông Th được quyền nuôi cháu Phùng Khang Hải A2, bà không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Phùng Nhật A1 đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2024, bị đơn là ông Phùng Tấn Th trình bày:

Ông và bà L kết hôn với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, nay là phường V. Cách nay khoảng 02 năm, bà L tự ý bỏ nhà ra đi không trở lại. Ông và bà L đã hết tình cảm, hết duyên nợ nên ông đồng ý ly hôn với bà L.

Quá trình chung sống, vợ chồng ông có 03 người con chung là Phùng Nhật A1, sinh ngày 11/3/2003, Phùng Khang Hải A2, sinh ngày 30/8/2009 và Phùng Tấn L, sinh ngày 10/01/2019. Hiện nay Nhật A1 và Hải A2 đang sống chung với ông, còn Tấn L đang sống chung với bà L. Ông đồng ý để bà L được quyền nuôi cháu Tấn L, ông không cấp dưỡng nuôi con; Ông nuôi cháu Hải A2, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Ông không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông xin vắng mặt tại các buổi hoà giải và xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn Lê Thị L và bị đơn Phùng Tấn Th đều xin vắng mặt tại phiên toà.

- Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã M phát biểu ý kiến:

Tòa án thụ lý vụ án và xét xử đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Chấp nhận cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Phùng Tấn Th. Chấp nhận cho bà L được quyền nuôi cháu Phùng Tấn L, ông Th được quyền nuôi cháu Phùng Khang Hải A2. Bà L và ông Th không cấp dưỡng nuôi con. Bà L phải chịu án phí 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Lê Thị L và bị đơn Phùng Tấn Th đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông Th theo quy định tại Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Th quen biết, tìm hiểu và kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là hợp pháp.

Bà L và ông Th chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải nên đã ly thân với nhau từ 2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, bà L và ông Th mỗi người sống một nơi không quan tâm, chăm sóc cho nhau làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Bà L khẳng định không còn tình cảm với ông Th nên cương quyết ly hôn với ông Th. Về phía ông Th xác định vợ chồng đã hết tình cảm, hết duyên nợ nên ông đồng ý ly hôn với bà L. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa bà L và ông

Th đã trầm trọng, đời sống chung của ông bà không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà L với ông Th là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Bà L và ông Th có 03 người con chung là Phùng Nhật A1, sinh ngày 11/3/2003; Phùng Khang Hải A2, sinh ngày 30/8/2009 và Phùng Tấn L, sinh ngày 10/01/2019. Hiện nay Nhật A1 và Hải A2 đang sống chung với ông Th, còn Tấn L đang sống chung với bà L. Bà L yêu cầu được quyền nuôi cháu Phùng Tấn L, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Bà đồng ý để ông Th được quyền nuôi cháu Phùng Khang Hải A2, bà không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Phùng Nhật A1 đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Từ lúc bà L và ông Th sống xa nhau đến nay thì cháu L sinh sống cùng với bà L, cháu Hải A2 sinh sống cùng với ông Th, môi trường sống và học tập của các cháu ổn định. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu L, đồng ý để ông Th được quyền nuôi cháu Hải A2, ông Th đồng ý để bà L được quyền nuôi cháu L, ông nuôi cháu Hải A2, đồng thời cháu Hải A2 cũng có văn bản thể hiện mong muốn được sống chung với ông Th. Do đó, để đảm bảo cuộc sống và môi trường học tập của các cháu được ổn định, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, ông Th được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hải A2 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L và ông Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà L phải chịu nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào điều 9, 19, 51, 55, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014; Các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị L và ông Phùng Tấn Th.

- Về con chung: Chấp nhận cho bà Lê Thị L được trực tiếp nuôi con chung là Phùng Tấn L, sinh ngày 10/01/2019. Ông Th được trực tiếp nuôi con chung là Phùng Khang Hải A2, sinh ngày 30/8/2009. Bà L và ông Th chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Bà L và ông Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L phải nộp 300.000đ được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013003 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M. Bà L đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX.M;
- Chi cục THADS TX.M;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Hải Hằng